

Số: 164/QĐ-LTT-KT&ĐBCL Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấm thi kết thúc học phần (kỳ thi chính) Học kỳ I năm học 2014-2015
Bậc đào tạo: Cao đẳng – Khóa 2014**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDDT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 1806/TB-LTT-ĐT ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc tính điểm học phần bậc đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

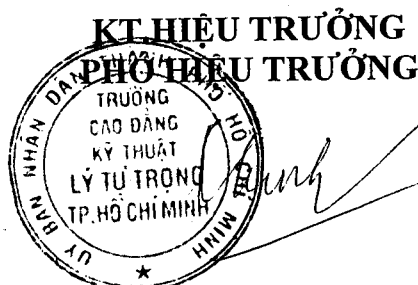
Điều 1. Nay cấm thi kết thúc học phần (kỳ thi chính) Học kỳ I năm học 2014-2015 của sinh viên cao đẳng – Khóa 2014 gồm: 59 sinh viên (danh sách đính kèm).

Điều 2. Các sinh viên bị cấm thi kết thúc học phần nào thì phải nhận điểm “0” của học phần đó để tính điểm học phần và phải đăng ký học lại để trả nợ học phần.

Điều 3. Các Phòng, Khoa và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *[Chữ ký]*

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.



Lương Xuân Chính

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KỲ THI CHÍNH)
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2014 - 2015
Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG - KHÓA 2014

(Kèm theo Quyết định số: *164* /QĐ-LTT-KT&ĐBCL ngày *10* tháng 02 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Họ và tên		Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm thi		Ghi chú
					Số tiết vắng	%	
1	Lại Tiến	<i>Minh</i>	14CĐ-CK4	Pháp luật đại cương	12 / 30	40.00%	
2	Trương Thành	<i>Đạt</i>	14CĐ-Đ1	An toàn điện	12 / 30	40.00%	
3	Trần Vũ Hải	<i>Hồ</i>	14CĐ-Đ1	Đo lường và mạch điện	36 / 75	48.00%	
4	Lê Nhật	<i>Hung</i>	14CĐ-Đ1	An toàn điện	19 / 30	63.33%	
5	Đoàn Lê Trọng	<i>Nhân</i>	14CĐ-Đ1	Vật lý đại cương 1	24 / 45	53.33%	
				Đo lường và mạch điện	31 / 75	41.33%	
				An toàn điện	12 / 30	40.00%	
6	Giáp Đức	<i>Trung</i>	14CĐ-Đ1	An toàn điện	12 / 30	40.00%	
7	Phan Hoàng	<i>Hào</i>	14CĐ-Đ2	Giáo dục thể chất 1	10 / 30	33.33%	
				Đo lường và mạch điện	35 / 75	46.67%	
8	Tôn Thất	<i>Hòa</i>	14CĐ-Đ2	Đo lường và mạch điện	30 / 75	40.00%	
9	Nguyễn Hoàng Tuấn	<i>Kiệt</i>	14CĐ-Đ2	An toàn điện	12 / 30	40.00%	
10	Nguyễn Thanh	<i>Quy</i>	14CĐ-Đ2	An toàn điện	13 / 30	43.33%	
11	Đào Duy	<i>Yên</i>	14CĐ-Đ2	Pháp luật đại cương	14 / 30	46.67%	
12	Trần Kim	<i>Hóa</i>	14CĐ-ĐT1	An toàn điện	12 / 30	40.00%	
13	Trần Trung	<i>Kiên</i>	14CĐ-ĐT1	Đo lường và mạch điện	36 / 75	48.00%	
14	Lâm Đức	<i>Toàn</i>	14CĐ-ĐT1	Đo lường và mạch điện	30 / 75	40.00%	
15	Đinh Văn	<i>Cường</i>	14CĐ-ĐT2	Vật lý đại cương 1	15 / 45	33.33%	
16	Nguyễn Đình Duy	<i>Khuong</i>	14CĐ-ĐT2	Hóa học đại cương 1	10 / 30	33.33%	
17	Nguyễn Thiều	<i>Lâm</i>	14CĐ-ĐT2	Toán cao cấp 1	22 / 45	48.89%	
				Hóa học đại cương 1	14 / 30	46.67%	
				An toàn điện	11 / 30	36.67%	
18	Trần Trương	<i>Ngọc</i>	14CĐ-ĐT2	An toàn điện	10 / 30	33.33%	
				Đo lường và mạch điện	27 / 75	36.00%	
19	Phạm Minh	<i>Trí</i>	14CĐ-ĐT2	Giáo dục thể chất 1	12 / 30	40.00%	
				Toán cao cấp 1	15 / 45	33.33%	
				Vật lý đại cương 1	21 / 45	46.67%	
				Hóa học đại cương 1	18 / 30	60.00%	
				Đo lường và mạch điện	33 / 75	44.00%	
				An toàn điện	17 / 30	56.67%	
				Pháp luật đại cương	16 / 30	53.33%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm thi		Ghi chú
				Số tiết vắng	%	
20	Nguyễn Thanh <i>Truyền</i>	14CD-ĐT2	Toán cao cấp 1	15 / 45	33.33%	
			Vật lý đại cương 1	18 / 45	40.00%	
			Hóa học đại cương 1	10 / 30	33.33%	
21	Phạm Ngọc <i>Tú</i>	14CD-ĐT2	Toán cao cấp 1	15 / 45	33.33%	
			Vật lý đại cương 1	15 / 45	33.33%	
			Hóa học đại cương 1	10 / 30	33.33%	
			Đo lường và mạch điện	37 / 75	49.33%	
			An toàn điện	14 / 30	46.67%	
22	Đặng Nguyễn Thúy <i>Quỳnh</i>	14CD-M	Những NLCB của CNMLN 1	12 / 30	40.00%	
23	Huỳnh Phúc Quang <i>Bình</i>	14CD-NL1	Vật lý đại cương 1	18 / 45	40.00%	
			Anh văn 1	21 / 45	46.67%	
			Giáo dục thể chất 1	10 / 30	33.33%	
			Pháp luật đại cương	14 / 30	46.67%	
			Những NLCB của CNMLN 1	12 / 30	40.00%	
24	Nguyễn Hoàng <i>Nhân</i>	14CD-NL1	Những NLCB của CNMLN 1	18 / 30	60.00%	
25	Phạm Nguyễn Tấn <i>Phát</i>	14CD-NL1	Vật lý đại cương 1	18 / 45	40.00%	
			Anh văn 1	15 / 45	33.33%	
26	Đỗ Vũ Thanh <i>Sang</i>	14CD-NL1	Anh văn 1	18 / 45	40.00%	
			Giáo dục thể chất 1	16 / 30	53.33%	
			Những NLCB của CNMLN 1	18 / 30	60.00%	
			Pháp luật đại cương	16 / 30	53.33%	
27	Nguyễn Thành <i>Lân</i>	14CD-Ô1	Toán cao cấp 1	16 / 45	35.56%	
			Anh văn 1	18 / 45	40.00%	
			Giáo dục thể chất 1	12 / 30	40.00%	
28	Võ Duy <i>Phú</i>	14CD-Ô1	Anh văn 1	15 / 45	33.33%	
29	Tạ Quân <i>Đạt</i>	14CD-Ô2	Toán cao cấp 1	15 / 45	33.33%	
30	Hàn Ngọc <i>Hải</i>	14CD-Ô2	Toán cao cấp 1	18 / 45	40.00%	
31	Nguyễn Đức <i>Thiện</i>	14CD-Ô2	Anh văn 1	15 / 45	33.33%	
32	Phạm Quang <i>Toàn</i>	14CD-Ô2	Toán cao cấp 1	15 / 45	33.33%	
33	Phạm Hoàng Hữu <i>Tín</i>	14CD-Ô2	Toán cao cấp 1	15 / 45	33.33%	
34	Đào Văn <i>Tinh</i>	14CD-Ô3	Giáo dục thể chất 1	10 / 30	33.33%	
35	Trần Quốc <i>Bảo</i>	14CD-Ô4	Hóa học đại cương 1	12 / 30	40.00%	
36	Võ Quốc <i>Đạt</i>	14CD-Ô4	Hóa học đại cương 1	12 / 30	40.00%	
37	Nguyễn Bảo <i>Son</i>	14CD-Ô4	Hóa học đại cương 1	12 / 30	40.00%	
38	Vương Hữu <i>Hiệp</i>	14CD-Ô4	Hóa học đại cương 1	10 / 30	33.33%	
39	Mai Quốc <i>Thắng</i>	14CD-Ô4	Hóa học đại cương 1	10 / 30	33.33%	
40	Đinh Ren <i>Đi</i>	14CD-Ô5	Toán cao cấp 1	15 / 45	33.33%	
			Những NLCB của CNMLN 1	18 / 30	60.00%	
41	Trần Thanh <i>Tùng</i>	14CD-Ô5	Toán cao cấp 1	21 / 45	46.67%	
			Giáo dục thể chất 1	16 / 30	53.33%	
42	Nguyễn Thường <i>Tín</i>	14CD-TM1	Vật lý đại cương 1	18 / 45	40.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm thi		Ghi chú
				Số tiết vắng	%	
43	Từ Chí <i>Hải</i>	14CD-TP1	Vật lý đại cương 1	18 / 45	40.00%	
44	Phạm Minh <i>Trung</i>	14CD-TP1	Anh văn 1	16 / 45	35.56%	
45	Nguyễn Trọng <i>Hữu</i>	14CD-TP2	Vật lý đại cương 1	15 / 45	33.33%	
46	Nguyễn Văn <i>Lực</i>	14CD-TP2	Anh văn 1	15 / 45	33.33%	
47	Nguyễn Tiến <i>Dân</i>	HQC LẠI	Toán cao cấp 1	18 / 45	40.00%	
48	Bùi Thanh <i>Diễn</i>	HQC LẠI	Hóa học đại cương 1	12 / 30	40.00%	
49	Ngô Hoàng <i>Hải</i>	HQC LẠI	Anh văn 1	20 / 45	44.44%	
50	Phan Minh <i>Hiếu</i>	HQC LẠI	Anh văn 1	45 / 45	100.00%	
51	Huỳnh Duy <i>Khánh</i>	HQC LẠI	Hóa học đại cương 1	12 / 30	40.00%	
52	Nguyễn Hữu <i>Kiểm</i>	HQC LẠI	Toán cao cấp 1	18 / 45	40.00%	
53	Trần Văn <i>Linh</i>	HQC LẠI	Hóa học đại cương 1	10 / 30	33.33%	
54	Phan Vĩnh <i>Ngà</i>	HQC LẠI	Hóa học đại cương 1	10 / 30	33.33%	
55	Phan Ngọc <i>Phước</i>	HQC LẠI	Anh văn 1	24 / 45	53.33%	
56	Nguyễn Hoàng Duy <i>Quang</i>	HQC LẠI	Hóa học đại cương 1	16 / 30	53.33%	
57	Nguyễn Toàn <i>Thắng</i>	HQC LẠI	Anh văn 1	27 / 45	60.00%	
58	Phan Duy <i>Thanh</i>	HQC LẠI	Toán cao cấp 1	15 / 45	33.33%	
59	Tô Phi <i>Thường</i>	HQC LẠI	Hóa học đại cương 1	12 / 30	40.00%	

Tổng cộng danh sách có 59 sinh viên.